TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2019
V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Trần Văn Thạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, khóm N, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng K (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, khóm N, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 03/01/2009. Thời gian đầu bà H và ông K chung sống hạnh

phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, bà H nghi ngờ ông K có mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, bà H đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay.

Nay bà H không còn tình cảm với ông K nữa, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H và ông K có một con chung tên Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ). Tại thời điểm làm đơn khởi kiện cháu Tố A sống chung với bà H, hiện nay do điều kiện làm ăn bà H không tiện chăm sóc nên vợ chồng ông, bà thống nhất giao cháu Tố A về bên ông K để tiện chăm sóc và hiện nay cháu Tố A đang sống chung với ông K. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì bà H đồng ý giao cháu Tố A cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tố A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà H không cấp dưỡng cho cháu Tố A.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại tờ tường trình đề ngày 13/8/2018 ông Đặng Hoàng K trình bày:

Ông K có nhận được thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án về việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ông K có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Hoàng K thống nhất thời gian đăng ký kết hôn theo bà H trình bày là đúng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; ông, bà đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay nên ông K cũng đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông K cũng thống nhất với lời trình bày của bà H, trong thời gian chung sống, ông K và bà H có một con chung tên Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ). Tại thời điểm làm đơn khởi kiện cháu Tố A sống chung với bà H, hiện nay do điều kiện làm ăn bà H không tiện chăm sóc nên vợ chồng ông, bà thống nhất giao cháu Tố A về bên ông K để tiện chăm sóc và hiện nay cháu Tố A đang sống chung với ông K. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn thì ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tố A cho đến khi cháu Tố A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho cháu Tố A.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Đặng Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do bất đồng quan điểm sống chủ yếu là về kinh tế, ngoài ra bà H cho rằng ông K chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Trong quá trình giải quyết vụ án tại tờ tường trình đề ngày 13/8/2018 bị đơn ông K trình bày do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K cũng đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà H và ông K có một con chung tên Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ). Tại thời điểm làm đơn khởi kiện cháu Tố A sống chung với bà H, hiện nay do điều kiện làm ăn bà H không tiện chăm sóc nên vợ chồng ông, bà thống nhất giao cháu Tố A về bên ông K để tiện chăm sóc. Sau khi ly hôn, ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tố A đến khi cháu Tố A đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/7/2018 thì cháu Tố A cũng thừa nhận hiện nay đang sống chung với cha ruột là ông K, trường hợp cha mẹ của cháu ly hôn thì cháu Tố A có nguyện vọng sống chung với cha ruột là ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tố A hiện nay đang sống chung với ông K, cuộc sống của cháu đang ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của cháu và tiện cho việc ông K chăm sóc cháu Tố A. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Tố A cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tố A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc H không cấp dưỡng cho cháu Đặng Nguyễn Tố A.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên cháu Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ) mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Đặng Hoàng K.

2. Về con chung: Giao cho ông Đặng Hoàng K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ) cho đến khi cháu Tố A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc H không cấp dưỡng cho cháu Đặng Nguyễn Tố A.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên cháu Đặng Nguyễn Tố A, sinh ngày 06/3/2010 (nữ) mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K trình

bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001852 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường X, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thanh Loan